

Bản án số: 58/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 7 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đức Hòa
- Bà Lê Thị Thận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2024/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 135 Hẻm 139 đường Lê Quý Đôn, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn 10, xã D, huyện E, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Lâm Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019 nhưng đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống tới năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ việc ông S với người thân trong gia đình bà N có mâu thuẫn. Đến năm 2023, ông S can thiệp vào việc tranh chấp đất đai giữa gia đình cháu dâu của bà N cho nên bà N không còn tin tưởng ông S. Sau đó bà N yêu cầu ông S rời khỏi nhà bà N từ tháng 7/2023 cho đến nay. Bà N nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu được ly hôn với ông

S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông S và bà N không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà N không có nên không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Văn S trình bày: Ông S thống nhất với lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân. Ông S và bà N tự nguyện chung sống với nhau năm 2019 nhưng đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ có mâu thuẫn từ việc ông S tư vấn tranh chấp đất đai cho phía gia đình cháu dâu của bà N nên bà N yêu cầu ông S về trên Bù Đăng sinh sống cho tới nay. Hiện nay, ông S vẫn còn tình cảm với bà N nên bà N yêu cầu ly hôn thì ông S không đồng ý.

Về con chung: Ông S và bà N không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà N không có nên không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Bị đơn ông Lâm Văn S vắng mặt; nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm Văn S vì ông S đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Bích N đối với ông Lâm Văn S; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Phần thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Bích N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Văn S. Hiện ông S đang cư trú tại thôn 10, xã D, huyện E, tỉnh Bình Phước; Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Lâm Văn S theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Trích lục kết hôn số 01/TLKH-BS ngày 03/01/2024 của Ủy ban nhân dân phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mà bà N đã giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của bà N trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc ông S can thiệp vào tranh chấp đất đai trong gia đình cháu dâu của bà N dẫn đến việc bà N không còn tin tưởng ông S cho nên đã yêu cầu ông S rời khỏi nhà bà N từ tháng 7/2023 cho đến nay. Mặc dù, ông S cho rằng quá trình chung sống giữa bà N và ông S không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng nhưng thừa nhận việc bà N và ông S có mâu thuẫn từ việc ông S tư vấn tranh chấp đất đai cho gia đình cháu dâu bà N nên bà N yêu cầu ông S về Bù Đăng sinh sống cho tới nay. Tại biên bản xác minh ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tại địa phương nơi ông S và bà N cư trú không nắm rõ được giữa bà N và ông S có mâu thuẫn hay không vì bà N và ông S không thông báo. Nhưng trước khi bà N khởi kiện xin ly hôn thì bà N có liên hệ với trưởng khu phố để hỏi thủ tục ly hôn vì bà N không thể tiếp tục chung sống với ông S được nữa. Như vậy có căn cứ xác định giữa bà N và ông S có mâu thuẫn trong quá trình chung sống dẫn đến việc vợ chồng không còn tin tưởng nhau; mâu thuẫn trầm trọng nên đã không sống chung với nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bà N xác định không còn tình cảm với ông S nên vẫn cương quyết muốn ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của bà N.

[5] Về con chung: Bà N và Ông S không có con chung nên không xem xét

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông S xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn bà N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích N về việc ly hôn. Bà N được ly hôn với ông Lâm Văn S.

Về con chung: Ông S và bà N không có nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009012 ngày 11/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND phường Tân Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào